

Bản án số: 712/2019/HSPT
Ngày 21 - 11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 505/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B do có kháng cáo của các bị cáo và bị đơn dân sự kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1975 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số 100, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Điều tra viên, Phó Đội trưởng Đội điều tra trinh sát Công an thành phố C đã bị đình chỉ công tác theo Quyết định số 722/QĐ-CAT-PX3 ngày 27/12/2013 của Giám đốc Công an Đồng Tháp; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn : 12/12; Con ông Huỳnh Ngọc A và bà Phạm Thị Kim H (chết); Có vợ và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Cấm đi khỏi nơi cư trú: ngày 24/12/2013; Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2/ **Phạm Xuân B**, sinh năm 1985 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú : ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Cán bộ Đội điều tra Công an thành phố C đã bị đình chỉ công tác theo Quyết định số 725/QĐ-CAT-PX13 ngày 27/12/2013 của Giám đốc Công an Đồng Tháp; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn

giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Hữu Ch và bà Lê Thị Ch; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt t ạm giam từ ngày 24/12/2013; Thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại ngày 05/12/2014; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc T:*

1/ Ông Phan Văn B - Luật sư của Văn phòng luật sư Hồng Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2/ Ông Phạm Tất Th - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Tất Th thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho Phạm Xuân B:* Luật sư Nguyễn Hữu Thế Tr – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV An Pha Na thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:* Nguyễn Tuấn Th, sinh năm 1986 (chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1959 (có mặt);

2/ Bà Đặng Thị Nh, sinh năm 1965 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D1, xã M1, huyện D2, tỉnh Long An.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Vũ Xuân H – Là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Đ- thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn dân sự:* Công an thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L – Trưởng Công an

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th1 – Phó Trưởng Công an (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019); (có mặt)

Địa chỉ: 260 Ng1, Phường 4, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Quốc Nh, sinh năm 1991; có mặt

Địa chỉ: Ấp V, xã M1, huyện D2, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Phú Th2, sinh năm 1986; vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi Văn Th3, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã T1, thành phố C, Đồng Tháp.

4. Đinh Tấn L1, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Số 86, tổ 11, khóm 2, phường 6, thành phố C, Đồng Tháp.

5. Nguyễn Chí H, sinh năm 1990; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 3, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
6. Đinh Tam Th4, sinh năm 1992; vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 37, khóm 4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
7. Nguyễn Khắc H, sinh năm 1993; vắng mặt
Địa chỉ: Số 318, CMT8, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
8. Trần Văn L2, sinh năm 1989; vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã M2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
9. Nguyễn Minh V, sinh năm 1990; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 1, xã M2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
10. Bùi Tấn L4, sinh năm 1976; vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã T1, thành phố C, Đồng Tháp.
11. Trương Hữu Hậu E, sinh năm 1987; có mặt
Địa chỉ: Ấp 1, xã M3, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
12. Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1967; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ1, huyện Th2, tỉnh Đồng Tháp.
13. Bùi Minh H2, sinh năm 1984; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ1, huyện Th2, tỉnh Đồng Tháp.
14. Đỗ Văn D, sinh năm 1985; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ1, huyện Th2, tỉnh Đồng Tháp.
15. Trần Khắc H3, sinh năm 1984; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp M4, xã M5, huyện Th2, tỉnh Đồng Tháp.
16. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981; vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 56, khóm 6, phường 6, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
17. Hà Văn V, sinh năm 1965; có mặt
Địa chỉ: Số 603, khóm M7, phường 3, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
18. Phạm Thanh Ph2, sinh năm 1989; có mặt
Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
19. Phạm Thế V, sinh năm 1992; có mặt
Địa chỉ: Tổ 20, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
20. Lương Văn T3, sinh năm 1968; có mặt
Địa chỉ: Số 18, Ph3, phường 1, TP. C, Đồng Tháp.

21. Lê Nhật Th4, sinh năm 1992; vắng mặt
Địa chỉ: Số 83, Lê Lợi, phường 2, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
22. Lê Văn L3, sinh năm 1972; vắng mặt
Địa chỉ: Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp.
23. Nguyễn Văn Hoài Ngh, sinh năm 1992; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ2, huyện Th4, tỉnh Đồng Tháp.
24. Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1981; vắng mặt
Địa chỉ: Ấp T3, xã T5, thành phố C, Đồng Tháp.
25. Lê Hoàng Nh1, sinh năm 1979; vắng mặt
Địa chỉ: Số 150, Ng1, khóm 4, TP. C, Đồng Tháp.
26. Lê Kiên C, sinh năm 1984; có mặt
Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
27. Võ Trường G, sinh năm 1981; có mặt
Địa chỉ: Số 260, Ng1, phường 4, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.
28. Trần Sơn V1, sinh năm 1981; vắng mặt
Địa chỉ: ấp N 1, xã Đ4, huyện D2, tỉnh Long An.
29. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1968; vắng mặt
Địa chỉ: ấp B, xã H3, huyện D2, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16/11/2012, Đội Cảnh sát điều tra trinh sát Công an thành phố C, tỉnh Đồng Tháp gồm Phạm Văn L5 - Quyền Đội trưởng, Lê Văn C, Th5 Quốc N và Trương Hữu Hậu E là các Trinh sát viên trong khi đi tuần tra đã phát hiện đối tượng trong chuyên án trộm cắp xe gắn máy là Nguyễn Tuấn Th, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã M1, huyện D2, tỉnh Long An đang điều khiển xe máy biển kiểm soát 60S3 - 8037 chở Phạm Quốc Nh3, trú tại ấp M8, xã M1 chạy lòng vòng trên địa bàn thành phố C nên đã theo dõi và bám theo đối tượng. Khi phát hiện bị theo dõi, Th tăng ga chạy về hướng huyện Th2, tỉnh Đồng Tháp. Do bám đuổi không kịp nên Công an thành phố C đã điện báo cho Công an huyện Th2 hỗ trợ, phối hợp.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn Ph1 là Trưởng Công an xã Đ, huyện Th2 nhận được điện thoại của anh Trần Khắc H3 là trinh sát Công an huyện Th2 yêu cầu phối hợp với Công an thành phố C giữ đối tượng đi xe máy

màu vàng, nên đã gọi điện cho anh Đỗ Văn D và anh Bùi Minh H2 là Công an viên đang trên đường tuần tra. Đến khoảng 13 giờ 30 phút thì phát hiện xe máy có đặc điểm như mô tả nên anh D và anh H2 đã ra tín hiệu dừng xe. Qua kiểm tra giấy tờ, người lái xe xuất trình giấy đăng ký xe mà không có bằng lái xe và không có kính chiếu hậu nên đã yêu cầu hai thanh niên đưa xe về Công an xã để làm việc. Tại đây, anh D lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực trật tự giao thông và giữ Th, Nh để chờ Công an thành phố C xuống giải quyết.

Khi nhận được thông tin đã giữ được đối tượng Nguyễn Tuấn Th thì anh Phạm Văn L5 đã báo cáo anh Lương Văn T3 - Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an thành phố C. Anh T3 đã ký lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Tuấn Th và giao cho Huỳnh Ngọc T - Thiếu tá, Đội phó Đội Cảnh sát điều tra trinh sát cùng với Phạm Xuân B và Trương Hữu Hậu E là cán bộ đội điều tra trinh sát thực hiện lệnh bắt, đến khoảng 16 giờ cùng ngày cả ba người đi xuống Công an xã Đ để nhận đối tượng. Huỳnh Ngọc T đọc lệnh bắt đối tượng Th về tội trộm cắp tài sản nhưng Th không ký vào lệnh bắt và nói không có tội, nên T giao cho B lập biên bản về việc Th không ký vào biên bản. Khi yêu cầu Th lên ô tô để đưa về Công an thành phố C làm việc thì Th chống đối nên đã bị còng tay để đưa lên thùng ô tô, còn Nh ngồi trên cabin. Tại Công an xã Đ không có ai đánh Th và Nh. Khi về đến Công an thành phố C là 18 giờ 30 phút, T phân công Hậu E đưa Nh vào phòng làm việc của Đội Quản lý trật tự hành chính và phân công B đưa Th vào phòng làm việc của Đội điều tra tố tụng để giữ và giám sát. Sau đó, T báo cáo với anh Lương Văn T3 và được anh T3 giao nhiệm vụ lấy lời khai của Nguyễn Tuấn Th.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, T tiến hành lấy lời khai của Th tại phòng làm việc của Đội điều tra tố tụng, còn Hậu E và B đứng ngoài hành lang để canh gác. Th khai nhận đã cùng Th5 và Th6 thực hiện trộm cắp 03 xe máy. Biên bản kết thúc vào lúc 21 giờ 30 phút và Th đã ký vào biên bản.

Trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 23 giờ, T tiếp tục lấy lời khai của Th và Th khai đã cùng Giá “đầu bạc” trộm cắp 03 xe máy. Sau đó, T phân công cho anh D là cán bộ trinh sát trông giữ Th để chờ đưa vào nhà tạm giữ và báo cáo kết quả hỏi cung cho anh Long và anh T3. Anh T3 đã chỉ đạo cho B làm thủ tục tạm giữ hình sự đối với Th và tạm giữ hành chính đối với Nh. Đến khoảng 23 giờ 50 phút, B giao lệnh tạm giữ Th cho Võ Trường G để tổng đạt lệnh tạm giữ và dẫn Th từ phòng làm việc của Đội tố tụng vào nhà tạm giữ để bàn giao cho anh Hà Văn V - Đội phó Đội Cảnh sát Bảo vệ và Hỗ trợ tư pháp khám người Th thấy hai bắp tay bị bầm đỏ, màu xẫm, phía ngực bị bầm đỏ, hai vai có vết trầy đỏ, hai chân từ gối trở xuống có vết xây xước ửng đỏ, chân đi khập khiễng và đã được nhà tạm giữ ghi nhận vào biên bản giao nhận người vào lúc 01 giờ 15 phút ngày 17/11/2012. Sau khi lập biên bản giao nhận người, anh Việt giao cho anh Nguyễn Thanh Ph và anh Phạm Thế V là Cảnh sát bảo vệ đưa Th vào phòng tạm giữ số 03 và bảo các cán bộ trong buồng sắp xếp chỗ cho Th nghỉ và có gì thì gọi anh Việt. Đến khoảng 8 giờ sáng ngày 17/11/2012 có lệnh trích xuất Th ra

làm việc theo yêu cầu của Nguyễn Thanh T1 và Lê Văn L3 là cán bộ Phòng PC45 Công an tỉnh Đồng Tháp, khi đó anh Phạm Quốc N là Điều tra viên Công an thành phố C làm lệnh trích xuất. Khi đưa Th và Th5 ra thì Phạm Xuân B đã nhận người, ký sổ giao nhận người rồi cùng với Lê Kiên C, L và T1 làm việc với Th và Th5. L và C làm việc với Th tại phòng làm việc của Đội điều tra trinh sát, còn B và T1 làm việc với đối tượng Th5 tại phòng làm việc Tổ tham mưu Đội điều tra trinh sát. Trong khoảng thời gian từ 9 giờ 15 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 17/11/2012 L và C thay nhau hỏi cung Th nhưng không lập biên bản, không ghi lời khai của Th, đến 11 giờ 30 phút L giao Th lại cho C. Đến khoảng 12 giờ C vào phòng thì thấy Th không ăn cơm và đầu gục xuống bàn nên đỡ Th dậy thì thấy mặt Th bị xanh, miệng chảy nước dãi nên đã báo cáo Lãnh đạo công an thành phố C cử cán bộ đưa Th đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp để cấp cứu nhưng khi đến Bệnh viện thì các Bác sĩ xác định Th đã tử vong.

Khám nghiệm tử thi xác định: Môi tím, vùng cơ delta vai phải có mảng cầu tím, không liên tục, vùng hông phải có mảng tím nhạt, đầu các ngón tay tím nhẹ, toàn bộ hai mông có màu tím đen, đồng nhất, mặt trước, ngoài và sau đùi bên trái có những mảng màu tím đen, không liên tục, mặt trước trong cẳng chân trái có những mảng màu tím đen, không liên tục, mặt trước, ngoài và sau đùi bên phải có những mảng màu tím đen, không liên tục, vùng 1/3 trên mặt trước ngoài cẳng chân phải có mảng màu tím nhạt, các ngón chân tím nhẹ. Kết quả khám nghiệm không xác định được nguyên nhân chết của Nguyễn Tuấn Th.

Do đó, ngày 17/01/2013, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã quyết định trưng cầu Viện pháp y quân đội - Bộ Quốc Phòng giám định lại. Ngày 18/3/2013, Viện pháp y quân đội có Công văn số 57/PY-GD kết luận: “Cơ chế của những vết xây xát da và tụ máu trên tử thi được hình thành do tác động của vật tày, lực tác động mạnh, nhiều lần; xây xát da và tụ máu nhiều nơi trên thi thể: Vùng mũi ức và thượng vị, vùng cơ delta vai phải; vùng hông phải; vùng cổ tay hai bên; vùng mông hai bên; mặt trước, mặt ngoài và mặt sau đùi hai bên; mặt trước trong cẳng chân trái; vùng 1/3 mặt trước ngoài cẳng chân phải. Trong đó các vết tụ máu vùng đùi vùng mông, vùng cẳng chân có diện rộng; ranh giới các vết tụ máu không rõ ràng, mật độ không đồng đều; độ tuổi của các vết tụ máu tương tự nhau. Nguyên nhân tử vong của Nguyễn Tuấn Th là tình trạng suy tuần hoàn cấp không hồi phục trên nạn nhân bị chấn thương do tác động của vật tày với lực tác động mạnh ở nhiều vùng cơ thể, trong đó có vùng nguy hiểm - vùng mũi ức, thượng vị.

Ngày 21/5/2014, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Công văn số 136/VKSTC(C6)-P5 đề nghị Viện Pháp y Quân đội - Bộ Quốc phòng giải thích rõ ngoài nguyên nhân trên còn nguyên nhân nào khác gây tử vong cho Nguyễn Tuấn Th hay không. Ngày 28/5/2014, Viện Pháp y Quân đội - Bộ Quốc phòng có Công văn số 77/PYCV trả lời: Nguyên nhân tử vong của Nguyễn Tuấn Th là tình trạng suy tuần hoàn cấp không hồi phục trên nạn nhân bị chấn thương do tác động của vật tày với lực tác động mạnh ở nhiều vùng cơ

thể, trong đó có vùng nguy hiểm - vùng mũi ức, thượng vị. Ngoài nguyên nhân này không xác định được nguyên nhân nào khác gây tử vong cho Nguyễn Tuấn Th.

Quá trình điều tra ban đầu, Phạm Xuân B không thừa nhận hành vi dùng nhục hình. Các lời khai sau này B khai nhận do Th không nhận tội nên B đã dùng tay đánh vào vùng mặt Th mấy cái, dùng chân đá vào đùi và mông Th nhiều cái. Ngoài ra B còn nhìn thấy một người tên Nhân là cán bộ trinh sát Công an tỉnh Đồng Tháp dùng dùi cui đánh nhiều cái vào vùng vai và mông của Th. Cơ quan điều tra đã làm rõ đó là Lê Hoàng Nh1, cán bộ Phòng PC45 Công an tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, Lê Hoàng Nh1 không thừa nhận nên không đủ cơ sở để kết luận. Phạm Xuân B còn khai nhận cùng T, C, Hậu E bàn bạc thống nhất chấp nhận những người tham gia bắt và xét hỏi Th, nếu Cơ quan điều tra Viện kiểm sát tối cao xử lý đến ai thì người đó chịu, nên đã không khai ra những người tham gia hỏi và đánh Th ngày 16/11/2012.

Ngày 17/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm về hình sự, tuyên bố Huỳnh Ngọc T, Phạm Xuân B phạm tội “Dùng nhục hình” tuyên phạt Huỳnh Ngọc T 01 năm 06 tháng tù và Phạm Xuân B 11 tháng 11 ngày tù.

Ngày 13/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa phúc thẩm về hình sự, tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chuyển vụ án để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung với các lý do:

1. Theo lời khai của Phạm Quốc Nh thì Lê Tuấn Th6 (theo biên bản nhận dạng ngày 07/8/2013 là Lê Văn Th6, bút lục 186-188) và Lê Nh Th có đánh Nguyễn Tuấn Th; theo lời khai của Phạm Xuân B thì Lê Hoàng Nh1 cũng tham gia đánh Nguyễn Tuấn Th nhưng chưa làm rõ, chỉ xử lý Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B là bỏ lọt tội phạm.

2. Chưa làm rõ hành vi dùng nhục hình của người nào gây ra cái chết cho Nguyễn Tuấn Th, có phải hành vi của T và B gây ra cái chết không.

3. Tổ chức nhận dạng chưa khách quan, lẽ ra phải dựng lại hiện trường, có sự chứng kiến của Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B.

4. Chứng cứ duy nhất là lời khai của Phạm Quốc Nh là chưa vững chắc, cần thu thập chứng cứ đầy đủ để xử lý.

5. Giải quyết trách nhiệm dân sự không đúng, lẽ ra phải buộc người gây ra cái chết cho Nguyễn Tuấn Th bồi thường, nhưng lại buộc Công an thành phố C bồi thường là không phù hợp.

Ngày 05/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 02/VKSNDTC-V6, trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối

cao để điều tra lại theo các nội dung nêu tại Bản án HSPT ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

1. Theo lời khai của Phạm Quốc Nh3, thấy nhiều người đánh bị hại Nguyễn Tuấn Th, nhưng không thấy chi tiết rõ ràng từng người, động tác đánh, vị trí trên người Th bị đánh, phương tiện, công cụ dùng để đánh. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cố gắng làm rõ những vấn đề trên nhưng do Nh đứng xa vị trí Th bị đánh, người ra vào qua lại nơi Th bị đánh nhiều nên không thể xác định chính xác các chi tiết cụ thể. Tuy nhiên lời khai của Nh khai có T và B tham gia đánh Th là phù hợp với lời khai của B và phù hợp lời khai của T về việc T có mặt từ đầu đến cuối buổi làm việc với Th. B và T đều khẳng định tối đó chỉ có T làm việc tiếp xúc với Th ngoài ra không có ai làm việc với Th nữa. Vì vậy, Cơ quan điều tra chỉ có căn cứ kết luận hành vi phạm tội của T và B. Quá trình điều tra, B có khai người tên Lê Thành Nh1 là cán bộ trình sát PC45 Công an tỉnh Đồng Tháp có tham gia đánh Th nhưng không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác định Lê Thành Nh1 tham gia đánh Th.

2. Trong vụ án này, ngoài hành vi dùng nhục hình của Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B còn có hành vi dùng nhục hình của một số người khác Lê Nhật Th4 và Lê Văn Th6 - Công an thành phố C (biên bản nhận dạng ngày 07/8/2013, bút lục 186-188) theo lời khai của Phạm Quốc Nh; Lê Hoàng Nh1, cán bộ Phòng PC45 Công an tỉnh Đồng Tháp theo lời khai bị cáo Phạm Xuân B. Tuy nhiên, tài liệu điều tra không có cơ sở để kết luận hành vi dùng nhục hình của những người này. Tài liệu điều tra cũng không xác định được có sự tham gia, bàn bạc giữa những người dùng nhục hình với nhau cũng như không kết luận được hành vi dùng nhục hình của người nào là nguyên nhân chính gây nên cái chết của Nguyễn Tuấn Th. Do đó, không có căn cứ để xác định hành vi dùng nhục hình của Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B phải chịu trách nhiệm hình sự về cái chết của Nguyễn Tuấn Th theo tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) mà chỉ có căn cứ kết luận Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Dùng nhục hình*” theo khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự năm 1999.

3. Về tổ chức nhận dạng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã cho Phạm Quốc Nh3 nhận dạng qua ảnh theo đúng quy định tại Điều 139 Bộ luật tố tụng hình sự. Để xác định khả năng thị lực và vị trí quan sát của Nh, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm khả năng quan sát theo lời khai của Nh (Không phải thực nghiệm điều tra). Việc tổ chức thực nghiệm điều tra có Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an thành phố C điều hành và chứng kiến, các cán bộ Công an thành phố C là những người trực tiếp tham gia đóng thế người có liên quan. Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an thành phố C cùng với Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định vị trí ngồi của Nh để nhìn sang phòng Th bị đánh theo lời Nh khai trước khi thực nghiệm. Khi chọn người đưa ra nhận dạng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an

thành phố C là người trực tiếp chỉ đạo việc chọn những người đưa ra nhận dạng trong buổi thực nghiệm, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C. Do vậy, kết quả thực nghiệm khả năng quan sát của Nh là hoàn toàn khách quan, khi ký biên bản thực nghiệm điều tra, đại diện Công an thành phố C đã xác nhận kết quả và không có ý kiến gì. Ngoài ra, theo lời khai của Nh thì Nh không chỉ ở một vị trí nhìn sang phòng nơi Th bị đánh mà còn được đi lại nên việc quan sát dễ dàng hơn khi phải ngồi một chỗ như việc thực nghiệm.

Việc Cấp phúc thẩm yêu cầu dựng lại hiện trường có sự tham gia của B và T là không thể thực hiện được do hiện tại thị lực của Phạm Quốc Nh3 bị giảm sút.

4. Về việc cấp phúc thẩm cho rằng chứng cứ duy nhất là lời khai của Phạm Quốc Nh3 là chưa vững chắc, cần thu thập chứng cứ đầy đủ để xử lý.

Tài liệu điều tra, điều tra lại xác định chứng cứ để chứng minh T và B dùng nhục hình bao gồm hệ thống các chứng cứ sau:

Theo lời khai của các anh Đỗ Văn D, Bùi Minh H2 là Công an viên xã Đ, huyện Th2 khi bắt giữ Th đưa về xã làm việc, sức khỏe của Th B thường, không có biểu hiện của té ngã xe cũng như không có ai đánh Th và Nh tại Công an xã Đốc B Kiều.

Võ Trường G, người bàn giao Th cho nhà tạm giữ và lời khai của Hà Văn V đội phó nhà tạm giữ, cũng như lời khai của Nguyễn Thanh Ph, Phạm Thế V là người tiếp nhận và lập biên bản giao nhận người đều thể hiện Th đi đứng không B thường, cà nhắc, trên hai đùi có dấu vết bầm đỏ rộng, hai bắp tay bị bầm đỏ, phía trước ngực Th có dấu vết bầm đỏ và có nhiều vết khác. Lời khai của những người bị giam, giữ tại phòng số 03 (Nguyễn Chí H, Đinh T3 Th4, Nguyễn Khắc H, Trần Văn L2 Nguyễn Minh V) cũng khẳng định Th bị đánh nhiều, đánh rất đau thể hiện là các dấu vết trên khắp cơ thể nên đã không tự đi đứng được, không thể tự phục vụ đã kêu đau cả đêm, khó thở. Lời khai về vị trí của các vết thương, xây xát trên người Th qua điều tra xác minh thu thập được trùng hợp với sự mô tả của các biên bản giám định pháp y và kết luận của biên bản giám định tài liệu của Viện pháp y quân đội.

Lời khai của Trương Hữu Hậu E, Huỳnh Ngọc T, Hà Văn V, Phạm Thanh Ph2, Phạm Thế V và biên bản giao nhận người bị tạm giữ xác định trong thời gian từ 16 giờ 30 phút đến 24 giờ ngày 16/11/2012, chỉ có T, B và Hậu E tiếp xúc với Nguyễn Tuấn Th.

Theo lời khai của Phạm Quốc Nh3 (tức Đồ), trong khoảng thời gian từ 18 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 16/11/2012, có một số cán bộ Công an dùng tay đánh vào đầu, vào mặt Nh. Đồng thời, Nh nhìn sang phòng giữ Th thấy có 3 - 4 người mặc đồ dân sự cầm dùi cui đánh Th. Tiến hành cho Nh nhận dạng những người đã tham gia đánh Nguyễn Tuấn Th thì Nh nhận dạng được Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B là những người đã trực tiếp dùng tay chân và cây ba

trắc đánh Th.

Ngày 29/3/2014, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiến hành thực nghiệm điều tra để xác định lại khả năng quan sát của nhân chứng. Cơ quan điều tra đã cho Phạm Quốc Nh3 ngồi ở vị trí bị đánh, nhìn sang phòng Th trong khoảng thời gian từ 20 giờ, điều kiện ánh sáng đúng với thời gian Th bị đánh. Kết quả, Nh đã nhận dạng chính xác người được đưa ra để nhận dạng. Ngoài ra, Nh còn nhận dạng Lê Nhật Th4 và Lê Văn Th6 - Công an thành phố C là hai người đã đánh Nguyễn Tuấn Th và Nh nhưng quá trình điều tra không làm rõ được hành vi dùng nhục hình của hai người này.

Từ những phân tích lập luận như đã nêu trên, có đủ căn cứ để xác định trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 16 giờ ngày 16/11/2012 thì sức khỏe của Th vẫn B thường. Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 23 giờ ngày 16/11/2012, khi T lấy lời khai của Th có Hậu E và B giám sát bên ngoài hành lang. Khi Th được đưa về nhà tạm giữ Công an thành phố C trên người đã xuất hiện các vết thương dẫn đến tử vong, có căn cứ để xác định quá trình tạm giữ và xét hỏi Nh và Th thì Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B đã có hành vi dùng nhục hình đối với Nguyễn Tuấn Th.

5. Về việc cấp phúc thẩm cho rằng giải quyết trách nhiệm dân sự không đúng, lẽ ra phải buộc người gây ra cái chết cho Nguyễn Tuấn Th bồi thường, nhưng lại buộc Công an thành phố C bồi thường là không phù hợp.

Tại Điều 620 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong trường hợp do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra: “Cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra khi thực hiện nhiệm vụ trong quá trình tiến hành tố tụng”.

Như vậy, trách nhiệm bồi thường về dân sự thuộc về Công an thành phố C là đúng quy định của Bộ luật dân sự.

Tại cáo trạng số 73/VKSTC-V6 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B về tội “Dùng nhục hình” theo khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B phạm tội “Dùng nhục hình”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân B 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày tù. Được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 24/12/2013 đến ngày 05/12/2014 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 09/8/2018 bị cáo Huỳnh Ngọc T kháng cáo kêu oan; và ngày 27/7/2018 bị cáo Phạm Xuân B kháng cáo kêu oan và bị đơn dân sự Công an Thành phố C kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:

Chứng cứ buộc tội đối với hai bị cáo T và B là căn cứ vào lời khai của nhân chứng Nh và lời khai ban đầu của bị cáo B. Những lời khai này là hoàn toàn logic và có đủ cơ sở xác định hai bị cáo đã có hành vi dùng nhục hình. Án sơ thẩm là có căn cứ, không oan sai.

Từ đó cho thấy kháng cáo của hai bị cáo cũng như kháng cáo của bị đơn dân sự Công an Thành phố C là không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của hai bị cáo và bị đơn dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T có quan điểm như sau:

- Lời khai của nhân chứng Nh là lời khai duy nhất để buộc tội đối với bị cáo, nhưng lời khai có nhiều điểm mâu thuẫn.

- Quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan điều tra đã có nhiều vi phạm về nhận dạng, thực nghiệm điều tra. Chính vì vậy, việc cho tiến hành thực nghiệm lại là hoàn toàn cần thiết.

- Quá trình lấy lời khai anh Nh kết thúc vào lúc 19 giờ 45 phút, trong khi đó anh Th bắt đầu bị lấy lời khai vào lúc 20 giờ. Như vậy, việc anh Nh cho rằng chứng kiến việc bị cáo T lấy lời khai của anh Th là có mâu thuẫn.

Luật sư bào chữa cho bị cáo B cho rằng:

- Chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là chưa đủ cơ sở buộc tội. Quan điểm của Viện kiểm sát là không phù hợp.

- Việc thực nghiệm điều tra nhưng không mời luật sư của hai bị cáo tham gia là không khách quan và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Tại cơ quan điều tra, bị cáo B khai: Tối ngày 16/11/2012 bị cáo đi dự tiệc sinh nhật nhưng cơ quan điều tra không thu thập chứng cứ này để chứng minh cho bị cáo. Việc thu thập chứng cứ là không đầy đủ, vì vậy đề nghị Tòa tuyên bị

cáo B không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy

[1] Về thủ tục tố tụng: Có thể nói, đây là vụ án phức tạp về việc thu thập và đánh giá chứng cứ. Chính vì vậy, quá trình điều tra, truy tố phải tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự mới có thể đảm bảo tính vững chắc trong việc đánh giá chứng cứ, cũng như làm căn cứ trong việc giải quyết vụ án một cách đúng pháp luật.

Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng trong vụ án này, đặc biệt là quá trình điều tra, truy tố đã bộc lộ nhiều thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể:

[1.1] Vụ án này do Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp điều tra và truy tố, theo đó tại Bản cáo trạng thể hiện việc Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm đối với vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 02/2018 vào ngày 13/4/2018 cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tiến hành điều tra bổ sung một số vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án (về nội dung bỏ lọt tội phạm...).

Tuy nhiên, đến ngày 09/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành văn bản số 379/VKS-P1 trả lời về nội dung yêu cầu điều tra bổ sung, theo đó nội dung văn bản này không chấp nhận các yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đồng thời thể hiện việc giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng.

Xét thấy, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành văn bản tố tụng nêu trên là trái thẩm quyền và đã ảnh hưởng đến việc điều tra, thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án một cách đúng pháp luật.

[1.2] Chứng cứ trong hồ sơ tại các bút lục số 174, 175 và 176 thể hiện Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định về việc tiến hành thực nghiệm điều tra. Qua nội dung cũng như quá trình tiến hành thực nghiệm điều tra và nhận định của bản Cáo trạng truy tố cho thấy: Việc tổ chức thực nghiệm điều tra thể hiện có sự tham gia của Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an Thành phố C với vai trò là người điều hành, đồng thời là người chứng kiến. Trong khi đó, trong vụ án này Cơ quan công an Thành phố C đang tham gia tố tụng với tư cách là Bị đơn dân sự. Điều này đã ảnh hưởng đến tính khách quan trong quá trình thu thập chứng cứ và được xem là vi phạm thủ tục tố tụng.

[2] Về quá trình thu thập và đánh giá chứng cứ:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập cho thấy, trong vụ án này Bản cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm xác định hành vi dùng nhục hình của hai bị cáo Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B đối với người bị hại Nguyễn Tuấn Th, dẫn đến người bị hại tử vong là vào khoảng thời gian từ 18 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 16/11/2012; địa điểm diễn ra tội phạm là tại phòng làm việc của bị cáo T tại trụ sở Công an Thành phố C. Việc xác định này, chủ yếu dựa vào lời khai quá trình chứng kiến (nhìn thấy) của người làm chứng là anh Phạm Quốc Nh – là người bị bắt chung cùng với bị hại Th và lời khai nhận ban đầu của bị cáo Phạm Xuân B.

[2.1] Trước hết, đối với lời khai cũng như kết quả nhận dạng của người làm chứng Phạm Quốc Nh, qua xâu chuỗi toàn bộ các lời khai, có thể nhận định và đánh giá như sau:

- Trong các lời khai tại quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nh khai nhận phòng anh bị tạm giữ lấy lời khai cách phòng Th bị tạm giữ khoảng 20m, anh thấy bị cáo T, B cùng một số người khác mặc đồ dân sự (thường phục) cầm dùi cui đánh anh Th. Đồng thời, tại lời khai ban đầu của Nh theo các bút lục số 81 và 82 thể hiện: Trước đó, khi bị giữ về tới công an xã Đ có hai người xưng là cảnh sát hình sự (PC 45) làm việc với Nh và Th. Nh bị một cảnh sát dùng súng đánh vào đầu, còn Th ở phòng kế bên cũng bị 4 đến 5 người đánh.

- Tại nội dung bản Cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm còn xác định: Trong khoảng thời gian từ 9 giờ 15 phút đến 11 giờ 30 phút ngày hôm sau, tức là ngày 17/11/2012, có hai người là L và C – là Cảnh sát phòng PC 45 thay nhau hỏi cung Th nhưng không lập biên bản, không ghi lời khai. Khoảng 11 giờ 30 phút L giao Th lại cho C. Đến 12 giờ C vào phòng thấy anh Th không ăn cơm, đầu gục xuống bàn nên đỡ Th dậy thì thấy mặt Th bị xanh, miệng chảy nước dãi nên báo cáo lãnh đạo Công an Thành phố C đưa anh Th đi cấp cứu, nhưng anh Th đã tử vong. Trong khi đó, anh Nh khai và xác định hai người này đã đánh anh và bị hại Th, anh khẳng định có thể nhận dạng được hai người này. Trong khi đó, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Lê Kiên C khai không phải là L và C tiến hành lấy lời khai mà là L và Nguyễn Thanh T1. Đây là mâu thuẫn cần được làm rõ.

Như vậy, ở trường hợp này cần thiết phải điều tra làm rõ và tiến hành cho anh Nh nhận dạng đối với những người đã tham gia đánh anh Nh và bị hại Th tại trụ sở Công an xã Đ và quá trình lấy lời khai của hai cán bộ Phòng PC 45 (anh L và C hay L và Nguyễn Thanh T1). Việc điều tra thu thập ở trường hợp này là chưa đầy đủ.

- Theo lời khai của anh Nh về việc đã nhìn thấy tại phòng làm việc với anh Th của bị cáo T, có bị cáo T, bị cáo B và một số người mặc đồ dân sự tham gia đánh anh Th. Tại các biên bản nhận dạng qua ảnh được thực hiện vào ngày 07/8/2013, anh Nh đã nhận dạng và xác định có 04 người đã tham gia đánh anh Th gồm: T, B và hai người khác hiện là Công an Thành phố C là Lê Văn Th6 và Lê Nhật Thành. Trong khi đó, bản án sơ thẩm nhận định về việc xác định lời khai của anh Nh là khách quan đối với trường hợp của hai bị cáo T và B, tuy

nhiên đối với lời khai của anh Nh rằng: ngoài hai bị cáo tham gia đánh bị hại Th còn có Lê Hoàng Nh1 cũng tham gia đánh. Lời khai nhận ban đầu của bị cáo B cũng thể hiện việc xác định Lê Hoàng Nh1 có tham gia và dùng dùi cui đánh người bị hại. Như vậy, nếu như cho rằng lời khai của anh Nh là khách quan, nhưng án sơ thẩm lại nhận định cho rằng không đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của Lê Hoàng Nh1 là không phù hợp và có mâu thuẫn trong việc đánh giá.

* Đánh giá về tính xác thực trong lời khai, cũng như sự chứng kiến của người làm chứng Phạm Quốc Nh, căn cứ các chứng cứ khác đã thu thập thấy rằng:

- Theo lời khai của người làm chứng Lê Nhật Th4 – là người trực tiếp lấy lời khai anh Nh tại phòng làm việc thể hiện như sau: “Vai trái của Nh tiếp xúc với cửa chính ra vào, vai phải hướng vào trong, lưng Nh hướng vào phía Đội điều tra tổng hợp, mặt hướng ra cổng chính đường Ng1, tôi (anh Th) ngồi đối diện”, và xác định vị trí ngồi của Nh không thể nhìn ra ngoài.

- Lời khai của bị cáo T về nội dung này, thể hiện: Phòng làm việc với bị hại Th là phòng máy lạnh, các cửa đóng lại, anh Th6 có xác nhận việc này vì khi anh Th6 qua phòng, tôi có mở cửa cho anh Th6. Quá trình điều tra, bị cáo đã có yêu cầu xem xét lại hiện trường phòng làm việc, nhưng không được chấp nhận.

Và đặc biệt, đối với lời khai của anh Nh rằng, những người tham gia đánh anh Th vào ngày 16/11/2012 đều mặc đồ dân sự, trong khi đó bị cáo T khai vào ngày 16/11/2012 bị cáo mặc trang phục ngành chứ không phải mặc thường phục. Điều này có sự xác nhận của ông T3 – Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra, Võ Trường G – điều tra viên, Trương Hữu Hậu E – điều tra viên.

- Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Tại Quyết định thực nghiệm điều tra số 01/VKSTC-C6 (P5) ngày 21/03/2014 đã quy định thực nghiệm điều tra bằng hình thức sau đây:... cần làm rõ địa điểm thực nghiệm điều tra có gì thay đổi trong khoảng thời gian từ lúc xảy ra vụ án đến thời điểm tiến hành thực nghiệm điều tra... Tái tạo lại địa điểm trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra (phải sắp xếp lại bàn ghế, đồ đạc giống như lúc xảy ra vụ việc). Tiến hành thực nghiệm theo đúng trình tự, đúng giai đoạn (vị trí Nh bị đánh nhìn sang phòng Th để xác định tính khách quan trong lời khai của Nh).

Căn cứ các quy định tại Quyết định thực nghiệm điều tra, đối chiếu với thực tế việc thực nghiệm điều tra qua biên bản thực nghiệm điều tra đã cho thấy chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và chưa đảm bảo tính khách quan trong quá trình thực nghiệm, bởi các lẽ sau:

+ Việc thực nghiệm điều tra chưa tuân thủ đúng các tiêu chí theo quyết định điều tra (sắp xếp bàn ghế, đồ đạc, vị trí phòng làm việc như lúc xảy ra vụ việc).

+ Ông T3 – Phó Công an Thành phố C được xác định là người tham gia điều hành và chứng kiến việc thực nghiệm khai: *Trong biên bản thực nghiệm vị trí ngồi của Th và góc nhìn không đúng bàn làm việc của T và Th. Và cho rằng, việc thực nghiệm không đúng mà nhìn chéo qua cửa sổ.* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T3 tiếp tục khẳng định điều này và cho rằng: khi thực nghiệm, bàn ngồi làm việc của bị cáo T không đúng với vị trí ngồi khi xảy ra sự việc. Vị trí ngồi của anh Nh như lời khai của Điều tra viên Thanh là đúng. Việc này, khi thực nghiệm ông đã có đề nghị với Điều tra viên vụ án nhưng đã không được chấp nhận.

Trong khi đó, bị cáo T khai: từ phòng Nh ngồi, nhìn xéo qua thì không thể thấy được phòng của bị cáo.

+ Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, khi được hỏi: *Khi thực nghiệm lại hiện trường lại có giống như thực tế không? Anh Nh trả lời: Không. Ánh sáng không đầy đủ, tối hơn.*

-Trong vụ án này, hai bị cáo T và B đều không thừa nhận hành vi phạm tội như lời khai của anh Nh, người làm chứng là anh Lê Nhật Th4 thì xác định quá trình tiến hành làm việc với anh Nh, vị trí của anh Nh ngồi không thể nhìn ra ngoài.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì: *“khi tiến hành thực nghiệm điều tra.... trong trường hợp cần thiết người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng cũng có thể tham gia”.*

Như vậy, việc thực nghiệm điều tra trong trường hợp này thì sự tham gia của hai bị cáo T, bị cáo B và anh Lê Nhật Th4 là hoàn toàn cần thiết và mới đảm bảo được tính khách quan. Việc quá trình thực nghiệm điều tra, cơ quan điều tra không tiến hành cho những người này tham gia việc thực nghiệm là thiếu sót và có ảnh hưởng lớn đến việc xác định tính xác thực trong lời khai của anh Nh.

- Do trong quá trình điều tra, mà cụ thể là quá trình thực nghiệm điều tra có nhiều thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành dựng lại hiện trường với sự tham gia của các bị cáo, tuy nhiên đã không được chấp nhận. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho rằng: không thể tiến hành thực hiện được do thị lực của anh Phạm Quốc Nh bị giảm sút, nhưng không đưa ra được bằng chứng hay xác định của cơ quan chuyên môn về vấn đề thị lực của người làm chứng Phạm Quốc Nh. Trong khi chứng cứ tại hồ sơ thể hiện Sổ khám bệnh của anh Nh tại Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa được xác định là Viêm võng mạc.

Từ đó cho thấy, việc từ chối này của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao là không thuyết phục và đã ảnh hưởng đến việc thu thập một cách khách quan chứng cứ nhằm đảm bảo cho việc giải quyết đúng đắn vụ án này.

[2.2] Đối với lời khai của bị cáo Phạm Xuân B, thấy rằng: trong quá trình điều tra sau này, bị cáo đã phủ nhận toàn bộ lời khai nhận trước đó vì cho rằng

đã bị Điều tra viên Nguyễn Nh dụ cung, ép cung và đã có khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Về vấn đề này, tại Công văn số 301/CAT-CSĐT ngày 11/4/2019 của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân tối cao, nội dung có nêu: Trong quá trình lấy lời khai, điều tra viên Nguyễn Nh, thuộc Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có hành vi “dụ cung” như: đưa ra những thông tin không đúng sự thật về gia đình: “vợ mang thai, sinh không được”; “cha mẹ đang bị bệnh không ai nuôi”; điện thoại cho Nguyễn Thị Bé Th (là vợ B) để xác nhận thông tin và đã nói đồng chí Nguyễn Văn B – Phó Giám đốc Công an tỉnh (là Dượng của B) cũng đồng ý kêu khai theo hướng dẫn của Điều tra viên.

Đây là vấn đề cần phải xác minh và làm rõ.

- Theo chứng cứ tại hồ sơ thể hiện qua lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm của bị cáo B thể hiện: sau 20 giờ, bị cáo giao bị hại Th cho bị cáo T và đi sinh nhật cùng bạn tại quán B, đi cùng có L, D, Phong E, Bé Th và một số người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo B tiếp tục khẳng định nội dung này. Đây là chứng cứ cần phải điều tra làm rõ, quá trình điều tra đã không tiến hành điều tra vấn đề này là thiếu sót và không đủ cơ sở giải quyết vụ án. Bởi vì, nếu làm rõ được lời khai này thì mới có đủ cơ sở xác định tính xác thực trong lời khai ban đầu của bị cáo B rằng: có chứng kiến bị cáo T đánh bị hại Th trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 23h30 phút ngày 16/11/2012.

[3] Về đánh giá chứng cứ, cũng như xác định tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và việc áp dụng quy định của điều luật: Tại Bản Cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm đã thể hiện nội dung như sau: Tại trang 5 phần 2 – bút lục số 1725 của bản cáo trạng nhận định: Không có căn cứ để xác định hành vi dùng nhục hình của Huỳnh Ngọc T và Phạm Xuân B phải chịu trách nhiệm hình sự về cái chết của bị hại Nguyễn Tuấn Th; Trang 20 – bút lục số 2071 của bản án sơ thẩm nhận định: Tuy nhiên, chưa chứng minh được hành vi của bị cáo T và bị cáo B là nguyên nhân chính dẫn đến người bị hại tử vong...

Như vậy, bản thân nội dung nhận định của Cáo trạng và bản án sơ thẩm là có mâu thuẫn. Vấn đề đặt ra ở đây là, ai, người nào có hành vi dùng nhục hình và là nguyên nhân chính dẫn đến cái chết đối với người bị hại. Đây là vấn đề cần phải điều tra, làm rõ; đồng thời hậu quả xảy ra trong vụ án này được xác định là đặc biệt nghiêm trọng, chính vì vậy việc truy tố và xét xử các bị cáo về khoản 1 của điều luật này là không phù hợp và không đánh giá hết tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Đây là vấn đề mấu chốt mà quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã chưa được làm rõ.

[4] Một số thiếu sót khác:

-Bản Cáo trạng truy tố ngày 13/11/2017 thể hiện: Bị cáo Phạm Xuân B bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2013, hiện đang bị tạm giam tại trại giam K35,

QK7. Nhưng tại bản án sơ thẩm thể hiện bị cáo bị tạm giam ngày 24/12/2013, thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/12/2014, hiện tại ngoại. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm không nhận định về sai sót và mâu thuẫn này là thiếu sót.

- Nội dung cáo trạng thể hiện: Xác định thời điểm bị cáo T và B dùng nhục hình đối với bị hại Th là từ 20 giờ đến 23 giờ ngày **16/11/2013**, trong khi đó chứng cứ tại hồ sơ thể hiện người bị hại Th tử vong vào ngày **17/11/2012** (tức là thời điểm tử vong của người bị hại có mâu thuẫn giữa chứng cứ tại hồ sơ và nội dung cáo trạng truy tố). Bản án cấp sơ thẩm không nhận định về mâu thuẫn này giữa nội dung cáo trạng và chứng cứ trong vụ án là thiếu sót.

[5] Tóm lại: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án này đã cho thấy có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, quá trình thu thập chứng cứ có nhiều thiếu sót, không đầy đủ và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Những vi phạm và thiếu sót này đã có ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết khách quan, toàn diện và đúng đắn vụ án, vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hai bị cáo Huỳnh Ngọc T, Phạm Xuân B và Cơ quan Công an Thành phố C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh

Trần Thị Thu Thủy Phạm Công Mười